

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIA LỘC - TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 03/4/2019

"V/v ly hôn, nuôi con chung"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LỘC- TỈNH HẢI DƯƠNG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Minh Yến.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Thúy và bà Nguyễn Thị Lan.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huệ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thanh - Kiểm sát viên

Ngày 03/4/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 10/2019/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2019, về việc ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/QĐST- HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2019 và thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa ngày 08/3/2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1979.

Địa chỉ cư trú: Tổ A, ấp B, xã S, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

2. *Bị đơn:* Anh Trịnh Văn T, sinh năm 1973.

Địa chỉ cư trú: Nguyễn Văn T, khu C, thị trấn G, huyện G, tỉnh Hải Dương.

(Chị N, anh T vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17/12/2018, bản tự khai ngày 30/01/2019 của nguyên đơn chị Nguyễn Thị N cũng như đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nguyên đơn trình bày: Chị và anh Trịnh Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện được UBND xã S, huyện T, tỉnh Tây Ninh đăng ký kết hôn ngày 15/11/2002. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại xã S, huyện T, tỉnh Tây Ninh được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng có nhiều quan điểm bất đồng trong cuộc sống, không cùng chí hướng làm ăn, anh T thường hay

gây gở có lời nói xúc phạm đến chị. Tình cảm vợ chồng ngày một lạnh nhạt xa cách, do không chung sống cùng nhau nên anh T đã trở về quê để sinh sống, vợ chồng đã sống ly thân tính đến nay là 12 năm không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị làm đơn khởi kiện xin ly hôn anh T.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Trịnh Văn Đ, sinh ngày 08/5/2004, hiện đang ở với chị. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi con chung và tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung: Không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Lời khai của bị đơn anh Trịnh Văn T tại biên bản lấy lời khai ngày 15/01/2019 trong quá trình giải quyết vụ án, anh T trình bày: Anh và chị N kết hôn trên cơ sở tự nguyện được UBND xã S, huyện T, tỉnh Tây Ninh đăng ký kết hôn năm 2002. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chung sống tại nhà bố mẹ đẻ chị tại xã S, huyện T, tỉnh Tây Ninh được khoảng 3 năm, đến năm 2005 vợ chồng anh chuyển về quê để anh ở thị trấn G sinh sống. Quá trình chung sống vợ chồng anh không xảy ra mâu thuẫn gì, tuy nhiên ở nhà anh được khoảng 6 tháng thì chị N bế con về nhà bố mẹ đẻ Tây Ninh sinh sống từ đó cho đến nay, nguyên nhân theo anh là do chị không chịu được cuộc sống vất vả của gia đình anh, do gia đình anh làm nông nghiệp trong khi chị N lại không biết công việc đồng áng. Khi chị N bỏ đi anh có điện thoại động viên chị quay lại chung sống nhưng chị N trả lời không về. Vợ chồng sống ly thân mỗi người sống một nơi từ năm 2005 đến nay không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị N xin ly hôn anh cũng nhất trí.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Trịnh Văn Đ, sinh ngày 08/5/2004 hiện đang ở với chị N, cuộc sống của cháu Đ đã ổn định nên khi ly hôn, chị N có nguyện vọng được nuôi con chung anh cũng nhất trí.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị N và anh T đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, có quan điểm thống nhất ly hôn và giải quyết về con chung. Do điều kiện chị N ở xa không ra Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương để giải quyết vụ án được nên chị N đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án. Chị N, anh T đều có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã đảm bảo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, các đương sự thực hiện đúng quyền nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Do các đương sự trong vụ án có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp quy định tại Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự. Qua kiểm sát vụ án tại phiên tòa, đề nghị HĐXX áp dụng Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị N và anh Đặng Văn T.

- Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận về nuôi con chung giữa chị N, anh T: Giao cháu Trịnh Văn Đ, sinh ngày 08/5/2004 cho chị N nuôi dưỡng đến năm 18 tuổi trưởng thành, chấp nhận sự tự nguyện chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

- Về án phí: Chị N chịu 300.000đồng án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Nguyễn Thị N ĐKKHKT và trú tại Tổ 8, ấp 2, xã Suối Dây, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Ngày 17/12/2018 chị Nguyễn Thị N làm đơn khởi kiện gửi về Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương xin ly hôn anh Trịnh Văn T có địa chỉ nơi cư trú tại: Khu C, thị trấn G, huyện G, tỉnh Hải Dương nên Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án các đương sự đã có bản tự khai trình bày quan điểm của mình đối với mối quan hệ hôn nhân và quan hệ con chung. Chị N đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án là phù hợp quy định tại khoản 4

Điều 207. Chị N và anh T đều đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt các đương sự là phù hợp quy định tại Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Trịnh Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện được UBND xã S, huyện T, tỉnh Tây Ninh đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn tình cảm vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2005 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng có nhiều quan điểm bất đồng trong cuộc sống, không có tiếng nói chung nên năm 2005 sau khi vợ chồng chuyển từ quê chị về quê chồng sinh sống được thời gian khoảng 06 tháng chị lại đưa con về quê xã S, huyện T, tỉnh Tây Ninh ở, anh T đã liên lạc với chị qua điện thoại động viên chị quay lại để vợ chồng chung sống cùng nhau nhưng chị không nhất trí, vì thế vợ chồng đã sống ly thân mỗi người một nơi từ năm 2005 đến nay không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Nay cả anh và chị đều xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị N là đơn xin ly hôn, anh T nhất trí. Từ những căn cứ trên cho thấy mục đích hôn nhân của vợ chồng giữa chị N và anh T không đạt được nên HĐXX chấp nhận đơn xin ly hôn của chị N xử cho chị và anh T được ly hôn là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: Vợ chồng có một con chung Trịnh Văn Đ, sinh ngày 08/5/2004, hiện đang ở với chị N, do cháu Đ có đơn đề nghị nguyện vọng muốn ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn, vì cuộc sống của cháu đã ổn định từ khi bố mẹ sống ly thân đến nay. Chị N có nguyện vọng được tiếp tục nuôi con chung và tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh T cũng nhất trí theo nguyện vọng của cháu Đăng và đề nghị của chị N. Do vậy để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu T nên tiếp tục giao con chung cho chị N nuôi là phù hợp quy định tại các Điều Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình.

[4] Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị N phải chịu tiền án phí sơ thẩm dân sự ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016.

Bởi các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

* Áp dụng: Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Điều 147; Điều 238; khoản 4 Điều 147; Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH

14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị N và anh Trịnh Văn T ly hôn.

2. Về quan hệ con chung: Chị Nguyễn Thị N được tiếp tục con chung Trịnh Văn Đ, sinh ngày 08/5/2004 cho đến khi đủ 18 tuổi trưởng thành. Chấp nhận sự tự nguyện của chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm dân sự ly hôn được khấu trừ vào số tiền chị N (do bà Trịnh Thị L nộp thay) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0003543 ngày 08/01/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Lộc.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Gia Lộc.
- Những người tham gia tố tụng.
- Chi cục T.H.A dân sự huyện Gia Lộc.
- UBND xã S, huyện T, tỉnh Tây Ninh.
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Minh Yến